

Số: 429/TM-BV

Hung Yên, ngày 28 tháng 10 năm 2024

THƯ MỜI THẨM ĐỊNH GIÁ
Sinh phẩm y tế, hóa chất xét nghiệm năm 2024
của Bệnh viện đa khoa Phố Nội

Kính gửi: Các đơn vị thẩm định giá.

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22 ngày 23 tháng 06 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Công văn 2082/SYT-KHTC ngày 06/9/2024 của Sở Y tế Hưng Yên V/v đảm bảo vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm y tế để duy trì hoạt động chuyên môn trong khi chờ kết quả đấu thầu tập trung năm 2024-2025.

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng khoa học kỹ thuật Bệnh viện đa khoa Phố Nội ngày 25/10/2024.

Bệnh viện đa khoa Phố Nội trân trọng kính mời các đơn vị thẩm định giá có đủ năng lực theo quy định của pháp luật thực hiện thẩm định giá của tài sản chi tiết như sau:

- Tài sản thẩm định giá: Sinh phẩm y tế, hoá chất xét nghiệm (có danh mục chi tiết kèm theo).
- Số lượng: Chi tiết trong phụ lục Thông tin tài sản kèm theo Thư mời này.
- Mục đích thẩm định giá: Làm cơ sở tham khảo xác định kinh phí, xác định giá trị dịch vụ nhằm đáp ứng các yêu cầu pháp lý hiện hành.
- Địa điểm thẩm định giá: Hưng Yên.
- Thời điểm thẩm định giá (cụ thể tháng, năm): Tháng 10, Tháng 11 năm 2024.
- Thời hạn công việc thực hiện thẩm định giá: 20 ngày.

Đề nghị quý Đơn vị thẩm định giá có nhu cầu tham gia gửi 01 bộ hồ sơ năng lực bao gồm:

Hồ sơ đăng ký kinh doanh, hồ sơ nhân sự, các hợp đồng tương tự đã thực hiện, thư chào giá dịch vụ thẩm định giá (đã bao gồm chi phí thẩm định), các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Thời gian, địa chỉ nộp hồ sơ: Trước 16 giờ 30 phút ngày 06/11/2024. Địa chỉ: Khoa Dược - Bệnh viện đa khoa Phố Nội, Đường Vũ Văn Cẩn, Phường Bàn Yên Nhân, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên.

Bệnh viện đa khoa Phố Nội rất mong nhận được sự quan tâm và bản chào giá của quý Đơn vị thẩm định giá.



Bệnh viện xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website bệnh viện (để thông báo);
- Lưu: VT, Khoa dược.

GIÁM ĐỐC



Phạm Đăng Quế

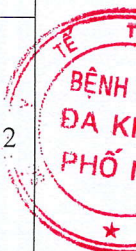


DANH MỤC

Sinh phẩm, hóa chất xét nghiệm năm 2024 của Bệnh viện đa khoa Phố Nối

(Kèm theo Thư mời số 429 /TM-BV ngày 28 /10/2024 của Bệnh viện đa khoa Phố Nối)

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
1	Lysoglobin Diff lyse 3	Thành phần chính: Detergent < 1.5%; Buffer < 2.0%; Preservative < 1.5%; Dye < 1.0%. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Chai	34
2	Lysoglobin Diff lyse 5	Thành phần chính: Detergent < 0.5%, Buffer < 0.6%, Preservative < 0.7% Có mã QR Code quản lý hoá chất được tích hợp sẵn. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Chai	8
3	Lysoglobin HGB	Thành phần chính: Detergent < 4.0%; Buffer < 1.0%. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Chai	20
4	Hematology control (5DN) Level 1/2/3	Thành phần chính: Healthy mammal blood (pig), preservatives and cell stabilizers. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Lọ	5
5	GLUCOSE - Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng glucose; Phương pháp: Enzymatic (hexokinase method); Dải tuyến tính: Huyết thanh/ huyết tương/ mẫu ly giải/ dịch não tủy: 0,6 – 45,0 mmol/L (10 – 810 mg/dL), Nước tiểu: 0,2 – 45 mmol/L (3,6 – 810 mg/dL); Bước sóng: 340 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu, mẫu ly giải và dịch não tủy; Độ lặp lại: CV ≤ 3%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 5%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 13 test	Hộp	8
6	CREATININE - Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng creatinine; Phương pháp: Jaffé method; Dải tuyến tính: Huyết thanh/ huyết tương: Phương pháp A: 5 – 2200 μmol/L (0,06 – 25,0 mg/dL); Phương pháp B: 18 – 2200 μmol/L (0,2 – 25,0 mg/dL), Nước tiểu: 88 – 35360 μmol/L (1 – 400 mg/dL); Bước sóng: 520 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu; Độ lặp lại: CV ≤ 3%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 5%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 4 test	Hộp	12
7	ALT - Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng ALT; Phương pháp: Dựa trên khuyến cáo của IFCC; Dải tuyến tính: 3 – 500 U/L (0,05 – 8,33 μkat/L); Bước sóng: 340 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 5%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 10%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 6 test	Hộp	30
8	AST - Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng AST; Phương pháp: Dựa trên khuyến cáo của IFCC; Dải tuyến tính: 3 – 1000 U/L (0,05 – 16,7 μkat/L); Bước sóng: 340 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 5%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 10%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 8 test	Hộp	32
9	CRP Latex	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng CRP siêu nhạy; Phương pháp: Miễn dịch đo độ đục; Dải tuyến tính: Ứng dụng bình thường: 0,2–480 mg/L, Ứng dụng độ nhạy cao: 0,08–80 mg/L; Bước sóng: 570 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 6%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 10%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 3 test	Hộp	12
10	CRP Latex Calibrator Nomal(N) Set	Hoá chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP thường; Chất hiệu chuẩn gồm mức 2 đến mức 6; Các giá trị được gán theo tiêu chuẩn IFCC bằng phương pháp miễn dịch đo độ đục	Hộp	1
11	ITA CONTROL SERUM LEVEL 1	Hoá chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch	Hộp	2
12	ITA CONTROL SERUM LEVEL 2	Hoá chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch; Chất kiểm chứng 1 mức	Hộp	2



STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
13	CLEANING SOLUTION	Dung dịch rửa	Bình	3
14	ACCESS AFP - Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Hóa chất định lượng AFP; Phương pháp: miễn dịch enzym ("sandwich"); Dải đo: 0,5–3.000 ng/mL [0,41–2.478 IU/mL]; Thành phần chính: albumin huyết thanh bò, natri azit, ProClin, kháng thể kháng AFP đơn dòng ở chuột	Hộp	6
15	ACCESS BNP - Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Hóa chất định lượng BNP; Dải đo: 3 - 5000 pg/mL; Phương pháp: miễn dịch enzym ("sandwich"); Thành phần: Albumin huyết thanh bò, ProClin, natri azit, Các hạt thuận từ phủ kháng thể BNP kháng người tất cả các dòng ở chuột, Cộng hợp bò photphataza kiềm chứa kháng thể BNP kháng người đơn dòng ở chuột	Hộp	5
16	Access Substrate- Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Cơ chất phát quang; Thành phần: dioxetane Lumigen PPD, chất huỳnh quang, chất hoạt tính bề mặt	Hộp	15
17	Test nhanh chẩn đoán sớm Sốt Xuất huyết/Kháng nguyên NS1	Phát hiện kháng nguyên virus Dengue NS1 trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần người. Cộng hợp vàng kháng thể kháng Dengue NS1 + Kháng thể kháng Dengue NS1 trên màng dẫn + Vạch kiểm soát (vạch chứng) + Màng sắc ký + Chất đệm Độ nhạy tương đối là 95,8% và độ đặc hiệu tương đối là 96,2%. Độ nhạy tương đối: $69/72 * 100\% = 95.8\%$ (95%CI*: 88.3%~99.1%); Độ đặc hiệu tương đối: $102/106 * 100\% = 96.2\%$ (95%CI*: 90.6%~99.0%); Sự chính xác: $(69+102)/(69+3+4+102) * 100\% = 96.1\%$ (95%CI*: 92.1%~98.4%) Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Test	500
18	Test nhanh chẩn đoán Sốt Xuất huyết/Kháng thể IgG/ IgM	Phát hiện định tính virus kháng thể trong máu, huyết thanh hoặc huyết tương Thành Phần của băng thử + Cộng hợp vàng - Kháng nguyên bề mặt virus Dengue + Vạch thử 1: IgG kháng người được bao phủ trong vùng vạch xét nghiệm IgG + Vạch thử 2: IgM kháng người được phủ trong vùng vạch thử nghiệm IgM Độ nhạy tương đối: $69/72 * 100\% = 95.8\%$ (95%CI*: 88.3%~99.1%); Độ đặc hiệu tương đối: $102/106 * 100\% = 96.2\%$ (95%CI*: 90.6%~99.0%); Sự chính xác: $(69+102)/(69+3+4+102) * 100\% = 96.1\%$ (95%CI*: 92.1%~98.4%) Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Test	100
19	Test thử định tính Morphin/ Heroin niệu	Kit thử phát hiện chất gây nghiện Heroin/morphine trong nước tiểu khi nồng độ của chất này trong nước tiểu đạt tới giới hạn là 300ng/ml, đủ để khẳng định đối tượng đã sử dụng chất gây nghiện Heroin/morphine Mỗi vạch thử T chứa kháng thể đơn dòng chuột kháng thuốc và liên hợp protein-MOP. Đường kiểm chứng C có chứa kháng thể đa dòng IgG dê kháng IgG thỏ và kháng thể IgG thỏ. Dạng bào chế: Khay nhựa có giếng nhỏ mẫu, túi trắng nhôm. Thời gian đọc kết quả: sau 3-5 phút. Độ nhạy: 99.9%, độ đặc hiệu: 99.9% Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Test	400

